

保健營養系一年二班 (113-2入學新南向國際專班)

實際上課起訖日期:114年09月15日~115年01月18日

Thời gian học: 09/15/2025-01/18/2026

時間 Thời gian	週一 Thứ hai	週二 Thứ ba	週三 Thứ tư	週四 Thứ năm	週五 Thứ sáu
第一節課 08:25-9:15	中式米麵食與製作 Chế biến món Trung từ bột mì 徐偉翔 C401		營養學(二) Dinh dưỡng học 2 陳冠如 B207		食品工廠管理與實務 Quản lý công xưởng thực phẩm 陳宥葳 B304
第二節課 09:25-10:15	中式米麵食與製作 Chế biến món Trung từ bột mì 徐偉翔 C401		營養學(二) Dinh dưỡng học 2 陳冠如 B207		食品工廠管理與實務 Quản lý công xưởng thực phẩm 陳宥葳 B304
第三節課 10:25-11:15	中式米麵食與製作 Chế biến món Trung từ bột mì 徐偉翔 C401	生物多樣性 Sự đa dạng của sinh vật 陳誌偉 B110			職前教育與職場倫理 Giáo dục tiền nghề và đạo đức nơi làm việc 01-09週-陳宥葳 10-18週-吳明修 B304
第四節課 11:20-12:10	中式米麵食與製作 Chế biến món Trung từ bột mì 徐偉翔 C401	生物多樣性 Sự đa dạng của sinh vật 陳誌偉 B110			職前教育與職場倫理 Giáo dục tiền nghề và đạo đức nơi làm việc 01-09週-陳宥葳 10-18週-吳明修 B304
午休時間 (12:10~13:05)					
第五節課 13:05-13:55	健康飲食實務製作 Thực hành chế biến bữa ăn lành mạnh 張景泓 C401	華語文基礎：閱讀練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện đọc 謝素娟 F402	華語文輔導課程 Phụ đạo tiếng Trung G202	華語文基礎：口語練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện nói 謝素娟 G202	華語文基礎：聽力練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện nghe 顏妤璇 B304
第六節課 14:05-14:55	健康飲食實務製作 Thực hành chế biến bữa ăn lành mạnh 張景泓 C401	華語文基礎：閱讀練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện đọc 謝素娟 F402	華語文輔導課程 Phụ đạo tiếng Trung G202	華語文基礎：口語練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện nói 謝素娟 G202	華語文基礎：聽力練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện nghe 顏妤璇 B304
第七節課 15:05-15:55	健康飲食實務製作 Thực hành chế biến bữa ăn lành mạnh 張景泓 C401	華語文基礎：閱讀練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện đọc 謝素娟 F402	華語文輔導課程 Phụ đạo tiếng Trung G202	華語文輔導課程 Phụ đạo tiếng Trung G202	華語文基礎：書寫練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện viết 顏妤璇 B304
第八節課 16:00-16:50	健康飲食實務製作 Thực hành chế biến bữa ăn lành mạnh 張景泓 C401	華語文基礎：閱讀練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện đọc 謝素娟 F402		華語文輔導課程 Phụ đạo tiếng Trung G202	華語文基礎：書寫練習 Tiếng Trung cơ bản: luyện viết 顏妤璇 B304

保健營養系二年二班(四年制新南向國際專班)

實際上課起訖日期:114年09月15日~115年01月18日 (必填)

Thời gian học: 09/15/2025-01/18/2026

時間 Thời gian	週一 Thứ hai	週二 Thứ ba	週三 Thứ tư	週四 Thứ năm	週五 Thứ sáu
第一節課 08:25-9:15	健康休閒與生活 Sức khỏe giải trí và cuộc sống 黃泰盛 H 棟	食品專業英文(二) Tiếng Anh chuyên ngành thực phẩm 李政達 G404	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2
第二節課 09:25-10:15	健康休閒與生活 Sức khỏe giải trí và cuộc sống 黃泰盛 H 棟	食品專業英文(二) Tiếng Anh chuyên ngành thực phẩm 李政達 G404	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2
第三節課 10:25-11:15			產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2
第四節課 11:20-12:10			產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2
午休時間 (12:10~13:05)					
第五節課 13:05-13:55	營養烘焙學與實習 Dinh dưỡng và thực hành làm bánh 翁玉娥 G206	膳食計劃與供應 Kế hoạch và cung ứng bữa ăn 張月萍 G403	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2
第六節課 14:05-14:55	營養烘焙學與實習 Dinh dưỡng và thực hành làm bánh 翁玉娥 G206	膳食計劃與供應 Kế hoạch và cung ứng bữa ăn 張月萍 G403	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2
第七節課 15:05-15:55	營養烘焙學與實習 Dinh dưỡng và thực hành làm bánh 翁玉娥 G206	膳食計劃與供應 Kế hoạch và cung ứng bữa ăn 張月萍 G403	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2
第八節課 16:00-16:50	營養烘焙學與實習 Dinh dưỡng và thực hành làm bánh 翁玉娥 G206	膳食計劃與供應 Kế hoạch và cung ứng bữa ăn 張月萍 G403	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2	產業實務實習(二) Thực tập 2